TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 243/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2018 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXX-ST ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố M, phường X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quang C, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 18, khu phố M, phường X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

Ông C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam X – tổng cục VIII Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Trần Quang C qua một thời gian tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tân Thành (nay là phường X, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 14/4/2009.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông C ham chơi, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, nghiện ngập ma túy, từ năm 2013 ông C thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã bị Tòa án xét xử bắt đi chấp hành hình phạt tù từ đó đến nay tại Trại giam X. Từ

đó vợ chồng sống ly thân. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Trần Quang V, sinh ngày 11/2/2007 và Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 05/4/2010. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Quang C trình bày: Ông C thống nhất với thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như bà T đã trình bày.

Ông xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý vì bản thân ông không còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung như bà T đã trình bày. Ông đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang C, được nuôi dưỡng các con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình "Tranh chấp về ly hôn, con chung".

Bị đơn ông Trần Quang C có địa chỉ tại huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Quang C đều xác định ông bà tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2009 tại xã X, huyện Tân Thành (nay là Phường X, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Ông bà chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được hạnh phúc khi chung sống. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Ông C cũng xác nhận vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông không còn tình cảm với bà T nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Xét thấy bà T và ông C thuận tình ly hôn nên công nhận.

Về con chung: Bà T và ông C có là 02 con chung là Trần Quang V, sinh ngày 11/2/2007 và Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 05/4/2010. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông C cũng thống nhất giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận của bà T, ông C cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Quang V và cháu Phương V là được sống với mẹ. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Trần Quang C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần Quang C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là các cháu Trần Quang V, sinh ngày 11/2/2007 và Trần Ngọc Phương V, sinh ngày 05/4/2010 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Quang C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002687 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử

phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.